

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh đơn giá dịch vụ công: Quét, gom rác đường phố; tưới nước rửa đường; chăm sóc cây xanh, bồn hoa nơi công cộng; quản lý duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; duy trì, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn thị trấn Na Hang, huyện Na Hang
06 tháng cuối năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012; Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21/11/2014; khoản 3 Điều 99 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020; khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/5/2015; khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa

bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đơn giá dịch vụ sự nghiệp công: Quét, gom rác đường phố; tưới nước rửa đường; chăm sóc cây xanh, bồn hoa nơi công cộng; quản lý, duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; duy trì vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn thị trấn Na Hang, huyện Na Hang;

Căn cứ Văn bản số 4513/UBND-ĐTĐD ngày 12/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đơn giá dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2485/TTr-SXD ngày 11/10/2023; ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Văn bản số 2576/STC-QLGCS&TCDN ngày 05/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá dịch vụ công: Quét, gom rác đường phố; tưới nước rửa đường; chăm sóc cây xanh, bồn hoa nơi công cộng; quản lý duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; duy trì, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn thị trấn Na Hang, huyện Na Hang 06 tháng cuối năm 2023, cụ thể như sau:

1. Địa điểm thực hiện: Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang.
2. Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
3. Thời gian thực hiện: 06 tháng cuối năm 2023.
4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Na Hang.
5. Đơn giá phê duyệt: Chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện Na Hang phê duyệt dự toán điều chỉnh thực hiện dịch vụ sự nghiệp công: Quét, gom rác đường phố; tưới nước rửa đường; chăm sóc cây xanh, bồn hoa nơi công cộng; quản lý duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; duy trì, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn thị trấn Na Hang, huyện Na Hang 06 tháng cuối năm 2023 và chịu trách nhiệm trước pháp luật về Quyết định của mình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Na Hang và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung tại Điều 1, 2 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc nhà nước Tuyên Quang theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Na Hang tỉnh thực hiện nội dung tại Quyết định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Na Hang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh; (báo cáo)
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTXD. (TL)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Tuấn

BẢNG TỔNG HỢP

ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG: QUÉT, GOM RÁC ĐƯỜNG PHỐ; TƯỚI NƯỚC RỬA ĐƯỜNG; CHĂM SÓC CÂY XANH, BỒN HOA NƠI CÔNG CỘNG; QUẢN LÝ DUY TRÌ HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ; DUY TRÌ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC TẠI THỊ TRẤN NA HANG, HUYỆN NA HANG (THÁNG 7 NĂM 2023)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của UBND tỉnh)

STT	Mã CV	Tên công việc	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
I	QUÉT, GOM RÁC ĐƯỜNG PHỐ, TƯỚI NƯỚC RỬA ĐƯỜNG			
1	MT1.02.01	Công tác quét, gom rác đường phố, quét đường bằng thủ công	10.000m ²	769.187
2	MT1.02.02	Công tác quét, gom rác đường phố, quét hè bằng thủ công	10.000m ²	553.815
3	MT1.05.00	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công	1km	399.977
4	MT1.04.00	Công tác tua vĩa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch	1km	246.140
5	MT5.02.01	Công tác tưới nước rửa đường, ô tô tưới nước < 10m ³ , tưới 1 lượt	km	447.846
6	MT5.02.01	Công tác tưới nước rửa đường, ô tô tưới nước < 10m ³ , tưới 2 lượt	km	895.693
II	CHĂM SÓC CÂY XANH, BỒN HOA NƠI CÔNG CỘNG			
7	CX3.04.00	Duy trì cây bóng mát loại 2	1 cây/năm	960.913
8	CX2.11.01	Duy trì cây cảnh tạo hình	100cây/năm	13.935.347
9	CX2.08.21	Tưới nước cây ra hoa, tạo hình bằng thủ công (3 lần/tháng; 36 lần/năm)	100 cây/lần	51.753
10	CX1.01.20	Tưới nước thảm cỏ thuần chủng bằng thủ công (3 lần/tháng; 36 lần/năm)	100m ² /lần	46.836
11	CX1.02.21	Phát thảm cỏ thuần chủng bằng thủ công (6 lần/năm)	100m ² /lần	156.999

12	CX1.06.01	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ (4 lần/năm)	100m ² /lần	28.236
13	CX1.04.01	Làm cỏ tạp (6 lần/năm)	100m ² /lần	104.666
14	CX1.07.00	Bón phân thâm cỏ (4 lần/năm)	100m ² /lần	62.900
15	CX2.08.21	Tưới nước cây đường viên bằng thủ công (3 lần/tháng; 36 lần/năm)	100 cây/lần	51.753
16	CX2.06.01	Duy trì cây hàng rào, đường viên, cao <1m (6 lần/năm)	100m ² /năm	4.309.324
17	CX3.11.01	Quét vôi gốc cây	1 cây	10.410
18	CX2.02.01	Công tác thay hoa bồn hoa, hoa giống (Hoa mẫu đơn)	100m ² /lần	45.237.943
III	QUẢN LÝ, DUY TRÌ, HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ			
19	CS.6.01.10	Duy trì trạm 1 chế độ bằng thủ công	1 trạm/ngày	139.555
20	CS.5.01.22a	Thay bóng cao áp bằng máy, 10m<H≤18m	20 bóng	14.589.111
21	CS.5.03.33	Thay chấn lưu, 12m≤H<18m	1 bộ	1.586.555
22	CS.5.07.12a	Thay dây cáp đồng 3 pha 4x6mm bằng máy (400/40 =10)	40m	6.068.787
IV	DUY TRÌ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC			
23	TN1.01.10	Nạo vét bùn hố ga	m ³ bùn	1.109.187
24	TN3.01.02	Vận chuyển bùn bằng xe ô tô tự đổ 4 tấn, cự ly L≤8km	m ³ bùn	376.750
25	TN2.01.10	Nạo vét bùn bể Bastaf bằng xe hút bùn 3 tấn (5 bể)	m ³ bùn	202.948

BIỂU TỔNG HỢP

ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG: QUÉT, GOM RÁC ĐƯỜNG PHỐ; TƯỚI NƯỚC RỬA ĐƯỜNG; CHĂM SÓC CÂY XANH, BỒN HOA NƠI CÔNG CỘNG; QUẢN LÝ DUY TRÌ HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ; DUY TRÌ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC TẠI THỊ TRẤN NA HANG, HUYỆN NA HANG (TỪ THÁNG 8 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2023)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của UBND tỉnh)

STT	Mã CV	Tên công việc	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
I	QUÉT, GOM RÁC ĐƯỜNG PHỐ, TƯỚI NƯỚC RỬA ĐƯỜNG			
1	MT1.02.01	Công tác quét, gom rác đường phố, quét đường bằng thủ công	10.000m ²	961.484
2	MT1.02.02	Công tác quét, gom rác đường phố, quét hè bằng thủ công	10.000m ²	692.268
3	MT1.05.00	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công	1km	499.972
4	MT1.04.00	Công tác tua via hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch	1km	307.675
5	MT5.02.01	Công tác tưới nước rửa đường, ô tô tưới nước < 10m ³ , tưới 1 lượt	km	447.846
6	MT5.02.01	Công tác tưới nước rửa đường, ô tô tưới nước < 10m ³ , tưới 2 lượt	km	895.693
II	CHĂM SÓC CÂY XANH, BỒN HOA NƠI CÔNG CỘNG			
7	CX3.04.00	Duy trì cây bóng mát loại 2	1 cây/năm	1.183.329
8	CX2.11.01	Duy trì cây cảnh tạo hình	100cây/năm	17.295.126
9	CX2.08.21	Tưới nước cây ra hoa, tạo hình bằng thủ công (3 lần/tháng; 36 lần/năm)	100 cây/lần	62.817
10	CX1.01.20	Tưới nước thảm cỏ thuần chủng bằng thủ công (3 lần/tháng; 36 lần/năm)	100m ² /lần	56.671

11	CX1.02.21	Phát thăm cỏ thuần chủng bằng thủ công (6 lần/năm)	100m ² /lần	196.249
12	CX1.06.01	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ (4 lần/năm)	100m ² /lần	34.429
13	CX1.04.01	Làm cỏ tạp (6 lần/năm)	100m ² /lần	130.833
14	CX1.07.00	Bón phân thăm cỏ (4 lần/năm)	100m ² /lần	70.750
15	CX2.08.21	Tưới nước cây đường viên bằng thủ công (3 lần/tháng; 36 lần/năm)	100 cây/lần	62.817
16	CX2.06.01	Duy trì cây hàng rào, đường viên, cao <1m (6 lần/năm)	100m ² /năm	5.369.067
17	CX3.11.01	Quét vôi gốc cây	1 cây	12.869
18	CX2.02.01	Công tác thay hoa bồn hoa, hoa giống (Hoa mẫu đơn)	100m ² /lần	45.916.179
III	QUẢN LÝ, DUY TRÌ, HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ			
19	CS.6.01.10	Duy trì trạm 1 chế độ bằng thủ công	1 trạm/ngày	174.443
20	CS.5.01.22a	Thay bóng cao áp bằng máy, 10m<H≤18m	20 bóng	15.025.220
21	CS.5.03.33	Thay chấn lưu, 12m≤H<18m	1 bộ	1.682.499
22	CS.5.07.12a	Thay dây cáp đồng 3 pha 4x6mm bằng máy (400/40 =10)	40m	6.068.787
IV	DUY TRÌ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC			
23	TN1.01.10	Nạo vét bùn hố ga	m ³ bùn	1.386.484
24	TN3.01.02	Vận chuyển bùn bằng xe ô tô tự đổ 4 tấn, cự ly L≤8km	m ³ bùn	424.824
25	TN2.01.10	Nạo vét bùn bể Bastaf bằng xe hút bùn 3 tấn (5 bể)	m ³ bùn	226.985

